

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ
SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2020

1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33 34 35 36 37 38 39 40 41 42 43 44 45 46 47 48 49 50 51 52 53 54 55 56 57 58 59 60 61 62 63 64 65 66 67 68 69 70 71 72 73 74 75 76 77 78 79 80 81 82 83 84 85 86 87 88 89 90 91 92 93 94 95 96 97 98 99 100

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 – 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 – 43

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và các công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Anh Tuấn	Chủ tịch
Ông Trần Tuyên Đức	Phó Chủ tịch
Ông Hoàng Hải Thịnh	Phó Chủ tịch
Ông Đỗ Văn Hào	Thành viên
Ông Lê Hồng Phong	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Thắng	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Mai Thị Thúy Mai	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Minh Huân	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Hồng Phong	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Trường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Việt Linh	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư Vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không.
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 03 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lê Hồng Phong
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 06 năm 2020

Số: 20.650-HN/BCKT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẪU**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đẩu (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 30 tháng 06 năm 2020 từ trang 05 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 03 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đẩu và các công ty con vào ngày 31 tháng 03 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 và hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
0172-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 06 năm 2020



Trịnh Thanh Thanh
Kiểm toán viên

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
2820-2020-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/03/2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/03/2020	Tại ngày 01/04/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		609.005.600.936	459.791.256.484
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	31.180.877.791	59.078.645.382
1. Tiền	111		31.180.877.791	58.856.645.382
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	222.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		443.014.694.220	304.578.354.375
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	389.115.491.879	204.910.878.312
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	26.000.491.957	22.728.561.019
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		800.000.000	1.300.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	29.606.173.020	78.146.377.680
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(2.507.462.636)	(2.507.462.636)
III. Hàng tồn kho	140	4.7	130.810.032.892	92.620.583.669
1. Hàng tồn kho	141		131.431.370.690	92.628.021.467
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(621.337.798)	(7.437.798)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.999.996.033	3.513.673.058
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.12	2.812.849.367	1.165.401.283
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.749.303	784.091.139
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.15	1.179.397.363	1.564.180.636
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		137.403.245.083	196.393.214.950
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		105.311.846	72.937.867.943
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	72.446.232.597
2. Phải thu dài hạn khác	216		105.311.846	491.635.346
II. Tài sản cố định	220		95.064.484.710	82.327.747.754
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	77.499.224.977	70.736.950.026
Nguyên giá	222		186.516.556.087	183.715.709.897
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(109.017.331.110)	(112.978.759.871)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	4.10	15.316.667.176	9.096.581.547
Nguyên giá	225		26.273.150.796	13.935.461.726
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(10.956.483.620)	(4.838.880.179)
3. Tài sản cố định vô hình	227	4.9	2.248.592.557	2.494.216.181
Nguyên giá	228		3.754.488.717	3.870.645.675
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.505.896.160)	(1.376.429.494)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		11.113.423.236	3.170.794.688
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.11	11.113.423.236	3.170.794.688
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	7.343.110.682	6.116.820.310
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		6.593.110.682	5.577.165.254
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		750.000.000	600.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(60.344.944)
V. Tài sản dài hạn khác	260		23.776.914.609	31.839.984.255
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.12	23.333.601.723	31.655.784.185
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		443.312.886	184.200.070
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		746.408.846.019	656.184.471.434

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/03/2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/03/2020	Tại ngày 01/04/2019
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		601.210.887.546	531.230.411.432
I. Nợ ngắn hạn	310		587.625.663.767	516.141.876.247
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.13	161.608.285.560	95.840.152.125
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.14	78.927.198.638	40.938.352.060
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.15	4.499.758.769	5.428.416.807
4. Phải trả người lao động	314	4.16	5.598.541.063	161.921.750
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.17	4.668.706.448	5.518.174.289
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.18	6.478.274.536	6.334.121.881
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.19	12.171.136.011	7.386.904.549
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.20	313.673.762.742	354.533.832.786
II. Nợ dài hạn	330		13.585.223.779	15.088.535.185
1. Phải trả người bán dài hạn	331	4.13	7.652.496.720	11.464.261.987
2. Chi phí phải trả dài hạn	333		250.570.704	145.158.188
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.20	5.682.156.355	3.258.378.990
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	220.736.020
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		145.197.958.473	124.954.060.002
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.21.1	145.197.958.473	124.954.060.002
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	4.21.2	115.000.000.000	98.999.060.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		115.000.000.000	98.999.060.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.640.139.770	3.440.139.770
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.047.646.730	9.124.953.938
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		(1.603.951.277)	12.160.517.952
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		14.651.598.007	(3.035.564.014)
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		13.510.171.973	13.389.906.294
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		746.408.846.019	656.184.471.434



Lê Hồng Phong

Tổng giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 06 năm 2020

Bùi Thị Thúy Hồng

Kế toán trưởng

Nguyễn Hoàng Minh

Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ ngày 01/04/2019 đến ngày 31/03/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 (Xem TM số 11)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	1.045.353.580.781	186.887.446.250
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		678.382.646	9.130.909
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.044.675.198.135	186.878.315.341
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	891.226.373.267	152.671.418.500
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		153.448.824.868	34.206.896.841
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	2.558.840.408	433.423.376
7. Chi phí tài chính	22	5.4	24.527.879.725	5.482.486.075
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		23.774.191.554	5.378.419.625
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	24		(584.054.572)	(1.057.834.746)
9. Chi phí bán hàng	25	5.5	39.467.787.912	11.715.239.129
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	81.278.482.228	18.951.370.608
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.149.460.839	(2.566.610.341)
12. Thu nhập khác	31	5.7	11.023.532.052	588.626.598
13. Chi phí khác	32		1.373.990.525	711.786.115
14. Lợi nhuận khác	40		9.649.541.527	(123.159.517)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		19.799.002.366	(2.689.769.858)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.9	2.405.568.516	675.313.309
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(479.848.836)	319.241.788
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		17.873.282.686	(3.684.324.955)
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		14.651.598.007	(3.035.564.014)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		3.221.684.679	(648.760.941)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.21.6	1.334	(307)
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.21.6	1.334	(307)



Lê Hồng Phong
Tổng giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 06 năm 2020

Bùi Thị Thúy Hồng
Kế toán trưởng

Nguyễn Hoàng Minh
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ ngày 01/04/2019 đến ngày 31/03/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 (Xem TM số 11)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		19.799.002.366	(2.689.769.858)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.8	32.707.940.982	8.544.495.644
Các khoản dự phòng	03		553.555.056	60.344.944
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	5.3	(1.181.813.972)	(30.177.113)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		377.793.585	449.428.695
Chi phí lãi vay	06	5.4	23.774.191.554	5.378.419.625
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08		76.030.669.571	11.712.741.937
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(15.168.403.805)	100.231.240.732
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(38.803.349.223)	(2.760.742.812)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		43.886.984.168	(138.668.844.752)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		5.936.248.020	495.812.037
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	13.000.000.000
Tiền lãi vay đã trả	14		(24.011.934.899)	(5.378.419.625)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.15	(725.892.367)	(1.118.964.373)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		47.144.321.465	(22.487.176.855)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(33.392.450.463)	(34.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		6.525.614.944	203.166.363
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	(500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		500.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.750.000.000)	(1.060.000.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		341.202.717	405.876.051
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(27.775.632.802)	(984.957.586)

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ ngày 01/04/2019 đến ngày 31/03/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 (Xem TM số 11)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		16.200.940.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(67.000.000)	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	710.891.407.142	217.860.315.095
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(756.088.844.374)	(178.687.028.446)
4. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(8.019.888.635)	(771.073.578)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10.210.853.799)	(12.801.394.284)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(47.294.239.666)	25.600.818.787
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM (50 = 20+30+40)	50		(27.925.551.003)	2.128.684.346
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		59.078.645.382	56.955.209.492
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		27.783.412	(5.248.456)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50+60+61)	70	4.1	31.180.877.791	59.078.645.382



Lê Hồng Phong
Tổng giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 06 năm 2020

Bùi Thị Thúy Hồng
Kế toán trưởng

Nguyễn Hoàng Minh
Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đẩu (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Điện – Điện tử – Tin học Sao Bắc Đẩu. Ngày 30 tháng 08 năm 2007, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đẩu theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103002093 ngày 11 tháng 02 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 13 tháng 02 năm 2020.

Công ty đã đăng ký là công ty đại chúng tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước vào ngày 11 tháng 12 năm 2007.

Tại ngày 31 tháng 10 năm 2016, Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam chứng nhận Công ty đã đăng ký chứng khoán và được cấp mã chứng khoán theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 131/2016/GCNCP-VSD vào ngày 31 tháng 10 năm 2016.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 115.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia	Tại ngày 31/03/2020		Tại ngày 01/04/2019	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Ông Nguyễn Đức Quang	Việt Nam	18.878.930.000	16,42	18.878.930.000	19,07
Cổ đông khác	Việt Nam	96.121.070.000	83,58	80.120.130.000	80,93
Cộng		115.000.000.000	100,00	98.999.060.000	100,00

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Lô U.14b- 16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty có đầu tư vào các công ty con như được trình bày tại mục 1.5 dưới đây (cùng với Công ty gọi chung là "Tập đoàn").

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 03 năm 2020 gồm:

- Chi nhánh tại Hà Nội: Tầng 3, CT1AB, Khu đô thị VOV Mỹ Trì - Phường Mỹ Trì - Quận Nam Từ Liêm - Hà Nội, Việt Nam;
- Chi nhánh tại Đà Nẵng: Số 02 Quang Trung, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31/03/2020 là 351 (01/04/2019 là: 331).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh tích hợp hệ thống công nghệ thông tin.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

Sản xuất, lắp ráp, sửa chữa sản phẩm điện, điện tử, tin học (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán hàng kim khí điện máy, đồ điện, sản phẩm tin học, thiết bị văn phòng, dây cáp điện, các loại đầu nối, linh kiện điện tử. Đại lý ký gửi hàng hóa. Môi giới thương mại. Dịch vụ cho thuê máy văn phòng. Mua bán điện

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

thoại các loại, máy fax, tổng đài PABX (tới 32 số). Mua bán, lắp đặt và bảo trì hàng điện, điện tử, thiết bị tin học – mạng tin học. Mua bán, sản xuất, lắp đặt, bảo trì thiết bị ngành bưu chính viễn thông – mạng viễn thông; mua bán, sản xuất vật tư ngành bưu chính viễn thông; đại lý cung cấp các dịch vụ bưu chính viễn thông. Mua bán và sản xuất phần mềm tin học, thiết kế trang Web. Dịch vụ cung cấp thông tin lên mạng Internet. Đại lý cung cấp dịch vụ Internet (không kinh doanh đại lý cung cấp Internet tại trụ sở). Dịch vụ tư vấn, đào tạo kỹ thuật tin học, viễn thông. Cho thuê văn phòng. Mua bán, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì thiết bị điện, thiết bị điều khiển tự động (không gia công cơ khí, xi mạ điện, tái chế phế thải tại trụ sở). Tư vấn về chuyển giao công nghệ. Đào tạo nghề. Mua bán phần mềm, máy móc, thiết bị cho ngành phát thanh và truyền hình. Sản xuất, mua bán và phát hành phim, băng đĩa có nội dung được phép lưu hành (không mua bán băng đĩa tại trụ sở). Kinh doanh bất động sản. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Đại lý bán vé máy bay. Thiết kế hệ thống mạng vi tính (thiết kế, tạo lập trang chủ Internet, thiết kế hệ thống mạng máy tính tích hợp phần cứng phần mềm và với các công nghệ truyền thông). Dịch vụ khoa học thuật: tích hợp hệ thống, chuyển giao công nghệ thông tin.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

1.5. Các công ty con trực tiếp được hợp nhất

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty Cổ phần Dịch vụ Công Nghệ Sao Bắc Đầu	Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	71%	71,16%
2.	Công ty Cổ phần Công Nghệ Số Sao Bắc Đầu	Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	73%	73%
3.	Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn Thông Sao Bắc Đầu	Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	60%	60%
4.	Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu Miền Nam	Phòng 26, nhà 8, Đường số 3, Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	61%	61%
5.	Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Sao Bắc Đầu	Phòng 1, Nhà 8, Đường số 13, Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	90%	90%
6.	Công ty Cổ phần Công nghệ Cao Sao Bắc Đầu	Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	94%	95,83%
7.	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kỹ thuật Sao Bắc Đầu	Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**1.6. Các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu**

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty Cổ phần Công nghệ Mideas	61C Tú Xương, Phường 07, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	20%	46,56%
2.	Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ DCT	585/6 Sư Vạn Hạnh, Phường 13, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	22,27%	22,27%
3.	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tin học CEH	Phòng 701 Tầng 7, 45 Đinh Tiên Hoàng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	30%	27,03%
4.	Công ty Cổ phần Sách và Học liệu Điện tử Pharos	Số 54a ngõ 218 đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	20%	15,69%

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 và kết thúc ngày 31 tháng 03 năm tiếp theo.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

2.5. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Tập đoàn mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ.

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần và tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua ngoại tệ/ tỷ giá bán ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 03 năm 2020 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2020. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.5. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư khác

Đối với các khoản đầu tư khác

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, đối với các khoản đầu tư khác không phải là đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và không phải là chứng khoán tự do mua bán trên thị trường, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác được trích lập khi có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của doanh nghiệp với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính nhưng tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán.

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.6. Hàng tồn kho (tiếp theo)

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với mức trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị hàng tồn kho không cao hơn giá thị trường.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh và chi phí lắp đặt, chạy thử trừ đi giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Năm 2019</u>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	15 năm
▪ Máy móc thiết bị	03 – 08 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 – 06 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 – 05 năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm kế toán không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại Tòa nhà CT1AB, Khu đô thị VOV Mỹ Trí - Phường Mỹ Trí - Quận Nam Từ Liêm - Hà Nội, Việt Nam.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

3.9. Thuê tài sản

Phân loại thuê tài sản

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thuê tài chính

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận là tài sản và nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán với cùng một giá trị bằng với giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

Nếu giá trị hợp lý của tài sản thuê cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản thì ghi nhận theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

Khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc. Chi phí tài chính được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê theo tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ còn lại cho mỗi kỳ kế toán.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc theo thời hạn thuê. Thời gian khấu hao ước tính cho máy móc thiết bị là từ 2 năm đến 3 năm.

3.10. Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo cách phân loại tài sản của Tập đoàn.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

3.11. Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Nguyên tắc phân chia doanh thu, chi phí, sản phẩm của hợp đồng:

Bên cung cấp dịch vụ ghi nhận doanh thu đóng góp cho hoạt động của BCC là khoản nợ phải thu khác; Bên nhận cung cấp dịch vụ ghi nhận doanh thu cho hoạt động của BCC là khoản nợ phải trả khác.

3.13. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là chi phí liên quan đến chi phí thành lập doanh nghiệp, giá vốn công cụ, dụng cụ và giá vốn của các dự án chưa hoàn thành. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Tiền thuê đất tại Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam được phân bổ theo thời hạn thuê trong 30 năm;
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.14. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tắc và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.15. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.16. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước về số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.17. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.18. Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Thu nhập đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tập đoàn có quyền nhận khoản lãi.

3.19. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.20. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, và lỗ tỷ giá hối đoái.

3.21. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng như các chi phí về lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.22. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành như sau:

- Thuế suất 10% đối với hoạt động được hưởng ưu đãi;
- Thuế suất 20% đối với hoạt động không được hưởng ưu đãi.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch;
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.22. Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Tập đoàn chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Ưu đãi, miễn giảm thuế

Tập đoàn được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ số 60/ĐK-DNKHCN vào ngày 31/07/2018 từ Sở Khoa học và Công nghệ TP. Hồ Chí Minh. Theo đó, Tập đoàn được công nhận danh mục 16 sản phẩm hàng hóa hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ. Căn cứ theo Thông tư liên tịch số 17/2012/TTLT-BKHCN-BTC-BNV ngày 10/09/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ về doanh nghiệp Khoa học và công nghệ, Tập đoàn được ưu đãi như sau:

- Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời gian 15 năm kể từ năm đầu tiên Tập đoàn có doanh thu từ hoạt động khoa học và công nghệ (năm 2011);
- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm đầu tiên Tập đoàn có thu nhập chịu thuế (năm 2011).

Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 4234430517 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 07 năm 2017, Tập đoàn thực hiện dự án "Trung tâm sản xuất phần mềm và tích hợp hệ thống" tại Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh. Và theo Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 và Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014, Tập đoàn có thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới tại khu công nghệ thông tin tập trung được thành lập theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, Tập đoàn được hưởng ưu đãi:

- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn (04) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (kể từ năm 2017) và giảm 50% trong chín (09) năm tiếp theo (kể từ năm 2021);
- Được hưởng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong thời hạn 15 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh.

Riêng giai đoạn tài chính từ 01 tháng 01 năm 2019 đến 31 tháng 03 năm 2019, Tập đoàn lựa chọn nộp thuế theo mức thuế suất không được hưởng ưu đãi là 20% của năm chuyển đổi kỳ tính thuế và tiếp tục hưởng ưu đãi thuế TNDN sang các năm kế tiếp theo quy định của Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Phần mềm tin học: không chịu thuế;
- Xuất thiết bị vào khu phi thuế quan: 0%;
- Doanh thu thiết bị và hàng hóa: 10%;
- Dịch vụ cho thuê và các dịch vụ khác: 10%.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**3.22. Thuế (Tiếp theo)****Các loại thuế khác**

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn.

3.23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.24. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.25. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.26. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/03/2020 VND	Tại ngày 01/04/2019 VND
Tiền mặt	14.324.656.573	32.528.686.589
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.856.171.218	26.327.958.793
Tiền đang chuyển	50.000	-
Các khoản tương đương tiền	-	222.000.000
Cộng	31.180.877.791	59.078.645.382

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/03/2020 VND		Tại ngày 01/04/2019 VND	
	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:				
Công ty Cổ phần Công nghệ Mideas	2.400.000.000	1.044.498.146	2.400.000.000	1.605.091.661
Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ DCT	1.960.000.000	1.166.671.527	1.960.000.000	1.299.864.472
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tin học CEH	1.875.000.000	1.677.561.703	1.875.000.000	2.672.209.121
Công ty Cổ phần Sách và Học liệu điện tử Pharos	2.000.000.000	2.704.379.306	400.000.000	-
Cộng	8.235.000.000	6.593.110.682	6.635.000.000	5.577.165.254

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/03/2020 VND		Tại ngày 01/04/2019 VND	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào đơn vị khác:				
Công ty Cổ phần Công Nghệ Số Thông Minh	750.000.000	-	600.000.000	(60.344.944)
Cộng	750.000.000	-	600.000.000	(60.344.944)

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/03/2020 VND	Tại ngày 01/04/2019 VND
Phải thu khách hàng là các bên có liên quan – Xem thêm mục 8	709.306.849	528.000.000
Phải thu khách hàng:		
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Đèo Cả	114.905.338.157	-
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng trụ sở Bộ Ngoại giao	34.813.883.703	36.203.153.580
Tập đoàn Viễn thông Quân Đội	8.733.256.040	7.180.295.100
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Phần mềm Quang Trung	6.958.663.224	5.038.504.020
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	4.941.773.760	9.120.862.000
Ban Khách hàng Tổ chức Doanh nghiệp - Chi nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông	4.429.835.468	537.192.967
Công ty Cổ phần Công nghệ OTP Việt Nam	4.084.624.320	4.484.624.320
Công ty TNHH Công nghệ và Giải pháp CMC Sài Gòn	3.972.850.080	-
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Minerva	3.355.300.000	-
Công ty TNHH Nhà máy bia Heineken Việt Nam - Vũng Tàu	558.986.829	1.879.936.389
Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh VINFAST	267.983.100	10.055.941.150
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Phú Quốc	17.875.000	31.681.287.480
Công ty Cổ phần Thương mại - Dịch vụ Phong Vũ	-	10.323.836.900
Công ty Cổ phần VinID	-	13.063.413.000
Các khách hàng khác	201.365.815.349	74.813.831.406
Cộng	389.115.491.879	204.910.878.312

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/03/2020 VND	Tại ngày 01/04/2019 VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan – Xem thêm mục 8	655.390.000	-
Trả trước cho người bán:		
Công ty TNHH Dịch vụ Tổng hợp và Thương mại Quốc tế Thăng Long	12.808.830.000	-
Công ty TNHH Kỹ thuật Công nghệ Cao Quốc tế Global	5.051.790.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bò Câu	-	2.166.893.244
Vertika Helio Communications Inc	-	2.750.918.800
Blue Sky Solutions Global Trading Co. Ltd	-	3.646.784.323
Các nhà cung cấp khác	7.484.481.957	14.163.964.652
Cộng	26.000.491.957	22.728.561.019

4.5. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/03/2020 VND		Tại ngày 01/04/2019 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu người lao động	9.356.456.240	-	4.435.998.342	-
Ký cược, ký quỹ	11.469.847.777	-	65.911.274.126	-
Phải thu khác	8.779.869.003	-	7.799.105.212	-
Cộng	29.606.173.020	-	78.146.377.680	-

4.6. Nợ xấu

	Tại ngày 31/03/2020 VND		Tại ngày 01/04/2019 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	2.507.462.636	-	2.507.462.636	-

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.6. Nợ xấu (tiếp theo)**

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/03/2020 VND			Tại ngày 01/04/2019 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ HTC Việt Nam	1.900.000.000	-	Trên 3 năm	1.900.000.000	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Phát triển Công nghệ BTK	607.462.636	-	Trên 3 năm	607.462.636	-	Trên 3 năm
Cộng	2.507.462.636	-		2.507.462.636	-	

4.7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/03/2020 VND		Tại ngày 01/04/2019 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	9.804.349.924	-	173.650.000	-
Hàng tại kho Tập đoàn	8.066.802.841	(621.337.798)	9.703.465.928	(7.437.798)
Hàng đã xuất kho triển khai	98.498.250.446	-	70.431.375.384	-
Kho theo dõi hàng cho thuê	54.393.175	-	54.393.175	-
Kho theo dõi hàng Hà Nội	2.268.749.152	-	768.950.544	-
Nguyên liệu, vật liệu	2.429.280.112	-	2.663.870.495	-
Công cụ, dụng cụ	9.262.959	-	9.262.959	-
Hàng hóa bất động sản	1.862.858.455	-	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.437.423.626	-	8.823.052.982	-
Cộng	131.431.370.690	(621.337.798)	92.628.021.467	(7.437.798)

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/04/2019	34.345.180.908	120.635.808.513	27.568.554.835	1.166.165.641	183.715.709.897
Mua trong năm	-	4.209.317.121	3.532.243.718	-	7.741.560.839
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	40.237.527.182	-	-	40.237.527.182
Thanh lý, nhượng bán	-	(44.957.604.962)	-	-	(44.957.604.962)
Giảm khác	-	-	(220.636.869)	-	(220.636.869)
Tại ngày 31/03/2020	34.345.180.908	120.125.047.854	30.880.161.684	1.166.165.641	186.516.556.087
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/04/2019	8.044.391.175	83.967.321.974	20.024.708.662	942.338.060	112.978.759.871
Khấu hao trong năm	1.619.343.601	19.989.060.108	3.269.006.855	220.137.112	25.097.547.676
Thanh lý, nhượng bán	-	(29.054.203.710)	-	-	(29.054.203.710)
Giảm khác	-	-	(4.772.727)	-	(4.772.727)
Tại ngày 31/03/2020	9.663.734.776	74.902.178.372	23.288.942.790	1.162.475.172	109.017.331.110
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/04/2019	26.300.789.733	36.668.486.539	7.543.846.173	223.827.581	70.736.950.026
Tại ngày 31/03/2020	24.681.446.132	45.222.869.482	7.591.218.894	3.690.469	77.499.224.977

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình là 7.320.791.980 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.20.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 23.462.933.566 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Phần mềm máy tính VND	Quyền sử dụng đất VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/04/2019	1.769.488.454	2.101.157.221	3.870.645.675
Giảm khác	(116.156.958)	-	(116.156.958)
Tại ngày 31/03/2020	1.653.331.496	2.101.157.221	3.754.488.717
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/04/2019	1.376.429.494	-	1.376.429.494
Khấu hao trong năm	199.316.666	-	199.316.666
Giảm khác	(69.850.000)	-	(69.850.000)
Tại ngày 31/03/2020	1.505.896.160	-	1.505.896.160
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/04/2019	393.058.960	2.101.157.221	2.494.216.181
Tại ngày 31/03/2020	147.435.336	2.101.157.221	2.248.592.557

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.217.929.640 VND.

4.10. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Máy móc, thiết bị	Tại ngày 01/04/2019 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tại ngày 31/03/2020 VND
Nguyên giá	13.935.461.726	12.337.689.070	-	26.273.150.796
Giá trị hao mòn lũy kế	(4.838.880.179)	(6.117.603.441)	-	(10.956.483.620)
Giá trị còn lại	9.096.581.547			15.316.667.176

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Tại ngày 31/03/2020 VND	Tại ngày 01/04/2019 VND
Mua sắm tài sản cố định	6.871.832.366	-
Dự án Chung cư cao tầng và TM-DV-VP lô H1-10 Citi Soho	991.987.406	-
Dự án Chung cư Nguyễn Kim B	974.555.080	-
Dự án Viva Riverside	-	1.157.446.038
Khác	2.275.048.384	2.013.348.650
Cộng	11.113.423.236	3.170.794.688

4.12. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/03/2020 VND	Tại ngày 01/04/2019 VND
Ngắn hạn:		
Chi phí nâng cấp hệ thống Cloud	1.011.838.675	-
Chi phí thuê thiết bị	490.479.258	-
Các khoản khác	1.310.531.434	1.165.401.283
Cộng	2.812.849.367	1.165.401.283
Dài hạn:		
Quyền sử dụng đất	7.470.088.725	7.846.731.853
Chi phí trả trước cho các dự án	8.628.290.693	10.732.138.995
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.795.999.282	5.316.742.813
Chi phí sửa chữa văn phòng	-	1.116.156.011
Các khoản khác	5.439.223.023	6.644.014.513
Cộng	23.333.601.723	31.655.784.185

Trong đó, quyền sử dụng đất là 7.470.088.725 VND tại Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã được dùng để thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn – Xem thêm mục 4.20.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.13. Phải trả người bán**

	Tại ngày 31/03/2020 VND		Tại ngày 01/04/2019 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:				
Blue Sky Solutions Global Trading Co Ltd	42.371.799.427	42.371.799.427	-	-
Công ty TNHH Tech Data Advanced Solutions (Việt Nam)	12.063.055.260	12.063.055.260	328.071.480	328.071.480
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển công nghệ Trí Nam	11.150.660.800	11.150.660.800	11.150.660.800	11.150.660.800
Sandvine Corporation	8.683.220.000	8.683.220.000	-	-
Cisco International Limited	8.407.659.794	8.407.659.794	4.818.039.533	4.818.039.533
Công ty Cổ phần Truyền thông và Công nghệ A1 Avu Pty Ltd	7.760.635.947	7.760.635.947	8.842.624.087	8.842.624.087
Công ty TNHH Azbil Việt nam	7.245.866.467	7.245.866.467	13.690.538.495	13.690.538.495
Polaris Technologic Pty Ltd	3.922.457.387	3.922.457.387	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	1.738.052.716	1.738.052.716	23.279.641.624	23.279.641.624
	58.264.877.762	58.264.877.762	33.730.576.106	33.730.576.106
Cộng	161.608.285.560	161.608.285.560	95.840.152.125	95.840.152.125
Dài hạn:				
Công ty TNHH Azbil Việt Nam	7.652.496.720	7.652.496.720	11.464.261.987	11.464.261.987
Cộng	7.652.496.720	7.652.496.720	11.464.261.987	11.464.261.987

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Tại ngày 31/03/2020 VND	Tại ngày 01/04/2019 VND
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Thành phố I là I ãnh	19.264.502.490	-
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	16.036.404.918	-
Văn phòng Tổng cục Giáo dục Nghề nghiệp	14.345.055.000	-
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Công nghệ Sửa chữa và Sản xuất Vật tư Kỹ thuật Trang bị Thông tin Quân sự		
Thế hệ mới	-	12.184.160.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Argibank	-	4.320.000.000
Công ty Quản lý Bay Miền Nam - Chi Nhánh Tổng		
Công ty Quản lý Bay Việt Nam - Công ty TNHH	-	3.922.882.946
Công ty Quản lý Bay Miền Bắc - Chi Nhánh Tổng		
Công ty Quản lý Bay Việt Nam - Công ty TNHH	-	2.660.058.230
Các khách hàng khác	29.281.236.230	17.851.250.884
Cộng	<u>78.927.198.638</u>	<u>40.938.352.060</u>

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.15. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 01/04/2019		Phải nộp trong năm VND	Đã nộp/khấu trừ trong năm VND	Tại ngày 31/03/2020	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	940.922.501	406.258.352.547	406.591.417.515	1.113.717.606	1.721.575.139
Thuế xuất, nhập khẩu	-	60.715	195.138.276	195.198.991	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.564.180.636	216.746.214	2.602.235.460	725.892.367	65.679.757	594.588.428
Thuế thu nhập cá nhân	-	742.124.832	4.061.833.259	3.907.887.367	-	896.070.724
Khác	-	3.528.562.545	6.296.404.437	8.537.442.504	-	1.287.524.478
Cộng	1.564.180.636	5.428.416.807	419.412.495.844	419.957.838.744	1.179.397.363	4.499.758.769

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.16. Phải trả người lao động**

Là khoản lương tháng 13 và lương bổ sung năm tài chính 2019 còn phải trả cho người lao động.

4.17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/03/2020 VND	Tại ngày 01/04/2019 VND
Trích trước chi phí tương ứng với doanh thu dự án đã thực hiện	3.414.581.951	5.184.753.065
Phải trả phần phân chia doanh thu cho các đối tác	733.613.110	-
Chi phí phải trả khác	520.511.387	333.421.224
Cộng	4.668.706.448	5.518.174.289

4.18. Doanh thu chưa thực hiện

	Tại ngày 31/03/2020 VND	Tại ngày 01/04/2019 VND
Cung cấp dịch vụ Internet cho Ban Quản lý dự án Phát triển Công nghệ thông tin và Truyền thông tại Thành phố Đà Nẵng	5.922.386.849	4.516.309.109
Nhận trước tiền thuê thiết bị từ Công ty TNHH Một Thành Viên Phát triển Công viên Phần mềm Quang Trung và Viện Khoa học và Công nghệ Tính toán	555.887.687	1.817.812.772
Cộng	6.478.274.536	6.334.121.881

4.19. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/03/2020 VND	Tại ngày 01/04/2019 VND
Cổ tức phải trả cho bên liên quan – Xem thêm mục 8	1.200.000.000	-
Cổ tức phải trả cho các cổ đông khác	1.920.000.000	-
Kinh phí công đoàn	1.642.549.495	1.409.887.969
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	507.559.892	511.919.892
Tiền bảo hiểm còn phải trả	8.388.918	175.253.163
Cổ tức, lợi nhuận phải trả cổ đông khác	2.224.342.250	2.394.153.800
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.668.295.456	2.895.689.725
Cộng	12.171.136.011	7.386.904.549

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.20. Vay và nợ thuế tài chính**

Ngắn hạn:	Tại ngày 01/04/2019		Trong kỳ		Tại ngày 31/03/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngân hàng	350.268.049.248	350.268.049.248	710.891.407.142	754.907.355.148	306.252.101.242	306.252.101.242
Vay đối tượng khác	1.181.489.226	1.181.489.226	-	1.181.489.226	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	3.084.294.312	3.084.294.312	7.421.661.500	3.084.294.312	7.421.661.500	7.421.661.500
Cộng	354.533.832.786	354.533.832.786	718.313.068.642	759.173.138.686	313.673.762.742	313.673.762.742
Dài hạn:						
Nợ thuế tài chính	6.342.673.302	6.342.673.302	14.781.033.188	8.019.888.635	13.103.817.855	13.103.817.855
Trừ nợ dài hạn đến hạn trả	(3.084.294.312)	(3.084.294.312)	(7.421.661.500)	(3.084.294.312)	(7.421.661.500)	(7.421.661.500)
Cộng	3.258.378.990	3.258.378.990	7.359.371.688	4.935.594.323	5.682.156.355	5.682.156.355
Tổng cộng	357.792.211.776	357.792.211.776	725.672.440.330	764.108.733.009	319.355.919.097	319.355.919.097

Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn là các khoản vay ngắn hạn bằng VND chịu lãi suất từ 6,9%/năm đến 7,4%/năm. Các khoản vay này được thế chấp bằng:

- Công trình xây dựng văn phòng tài sản hình thành từ vốn vay và hệ thống máy chủ và thiết bị mạng và Quyền sử dụng đất thuê tại lô số U12b-16A Đường số 22 Khu Chế Xuất Tân Thuận Phường Tân Thuận Đông Quận 7 Thành phố Hồ Chí Minh của công ty mẹ với giá trị còn lại lần lượt là 7.320.791.980 đồng và 7.470.088.725 đồng – Xem thêm mục 4.8 và mục 4.12;
- Quyền đòi nợ đã hình thành từ các hợp đồng kinh tế giữa Tập đoàn và khách hàng;
- Hàng hóa khoản phải thu hợp đồng tiền gửi số tiết kiệm số tiền ký quỹ tài sản hình thành từ vốn vay;
- Số tiền ký quỹ tài sản hình thành từ phương án vay các khoản phải thu hình thành từ phương án vay.

Nợ thuế tài chính dài hạn là các khoản vay theo hợp đồng thuê tài chính với Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam có thời hạn từ 2 – 3 năm, lãi suất 7%/năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận Đông, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.21. Vốn chủ sở hữu

4.21.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu								
	Vốn góp của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Tại ngày 01/01/2019	98.999.060.000	3.440.139.770	25.734.994.043	14.038.667.235	142.212.861.048				
Lãi trong năm trước	-	-	(3.035.564.014)	(648.760.941)	(3.684.324.955)				
Chia cổ tức	-	-	(9.899.906.000)	-	(9.899.906.000)				
Trích quỹ Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	(3.674.570.091)	-	(3.674.570.091)				
Tại ngày 01/04/2019	98.999.060.000	3.440.139.770	9.124.953.938	13.389.906.294	124.954.060.002				
Tăng vốn trong năm	16.000.940.000	-	-	200.000.000	16.200.940.000				
Lãi trong năm nay	-	-	14.651.598.007	3.221.684.679	17.873.282.686				
Chia cổ tức	-	-	(9.899.906.000)	(3.120.000.000)	(13.019.906.000)				
Trích quỹ thuộc nguồn vốn	-	200.000.000	(200.000.000)	-	-				
Khác	-	-	(628.999.215)	(181.419.000)	(810.418.215)				
Tại ngày 31/03/2020	115.000.000.000	3.640.139.770	13.047.646.730	13.510.171.973	145.197.958.473				

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 09/NQ-DHCD-2019 ngày 22 tháng 04 năm 2019 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 46/2019/QĐ-HĐQT ngày 30 tháng 05 năm 2019 đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn cổ phần. Vào ngày 11 tháng 07 năm 2019, Tập đoàn đã nhận được Công văn số 4305/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo nhận được hồ sơ đệ trình từ Tập đoàn liên quan đến việc đăng ký chào bán 1.600.094 cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ, bổ sung vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Tập đoàn.

Việc chào bán đã được hoàn thành vào ngày 05 tháng 08 năm 2019, với tổng số cổ phiếu đã bán là 1.600.094 cổ phiếu cho các nhân viên và nhân sự quản lý chủ chốt của Tập đoàn với mức giá bán là 10.000 VND/cổ phiếu. Vào ngày 12 tháng 08 năm 2019, Tập đoàn đã nhận được Công văn số 4861/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo nhận được thông báo chào bán cổ phiếu riêng lẻ này của Tập đoàn.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.21.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/03/2020 VND	Tại ngày 01/04/2019 VND
Ông Nguyễn Đức Quang	18.878.930.000	18.878.930.000
Cổ đông khác	96.121.070.000	80.120.130.000
Cộng	115.000.000.000	98.999.060.000

4.21.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Từ ngày 01/04/2019 đến ngày 31/03/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 VND
Vốn góp đầu năm	98.999.060.000	98.999.060.000
Vốn góp tăng trong năm	16.000.940.000	-
Vốn góp cuối kỳ	115.000.000.000	98.999.060.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	9.899.906.000	9.899.906.000

4.21.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/03/2020	Tại ngày 01/04/2019
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	11.500.000	9.899.906
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	11.500.000	9.899.906
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	11.500.000	9.899.906

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.21.5. Báo cáo tình hình sử dụng vốn tăng thêm từ phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ

Thông tin chung về đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ:

<u>Số thứ tự</u>	<u>Nội dung</u>	<u>Thông tin</u>
1	Tên cổ phiếu chào bán	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu
2	Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
3	Mệnh giá	10.000 VND/cổ phần
4	Số lượng cổ phiếu chào bán	1.600.094 cổ phiếu
5	Giá trị chào bán	10.000 VND/cổ phiếu
6	Hình thức chào bán	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ
7	Ngày bắt đầu chào bán	12/07/2019
8	Ngày hoàn thành đợt chào bán	05/08/2019
9	Tổng số cổ phiếu đã bán	1.600.094 phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.21.5 Báo cáo tình hình sử dụng vốn tăng thêm từ phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ (tiếp theo)**

Số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu:

Số lượng cổ phiếu	1.600.094 cổ phiếu
Giá bán (VND/cổ phiếu)	10.000 VND/cổ phiếu
Thành tiền (VND)	16.000.940.000

Cộng	16.000.940.000
-------------	-----------------------

Phương án sử dụng vốn: Tập đoàn sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu trên để bổ sung vốn điều lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Tập đoàn.

4.21.6. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Từ ngày 01/04/2019 đến ngày 31/03/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 VND
Lãi/lỗ sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	14.651.598.007	(3.035.564.014)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lãi/lỗ để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	14.651.598.007	(3.035.564.014)
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	10.980.654	9.899.906
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.334	(307)

4.22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Tại ngày 31/03/2020	Tại ngày 01/04/2019
Ngoại tệ các loại:		
USD	3.080.611,00	100.270,60

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẪU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ ngày 01/04/2019 đến ngày 31/03/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 VND
Doanh thu tích hợp hệ thống thiết bị, hàng hóa công nghệ thông tin	845.940.674.319	129.481.031.456
Doanh thu cung cấp dịch vụ	196.360.395.786	53.645.751.775
Doanh thu khác	3.052.510.676	3.760.663.019
Cộng	1.045.353.580.781	186.887.446.250
Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan – Xem thêm mục 8	120.000.000	60.000.000

5.2. Giá vốn hàng bán

	Từ ngày 01/04/2019 đến ngày 31/03/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 VND
Giá vốn tích hợp hệ thống thiết bị, hàng hóa công nghệ thông tin	752.601.800.886	105.846.315.928
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	134.685.478.667	44.459.737.585
Khác	3.939.093.714	2.365.364.987
Cộng	891.226.373.267	152.671.418.500

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ ngày 01/04/2019 đến ngày 31/03/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	341.202.717	386.664.888
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.035.823.719	16.581.375
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.181.813.972	30.177.113
Cộng	2.558.840.408	433.423.376

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.4. Chi phí tài chính**

	Từ ngày 01/04/2019 đến ngày 31/03/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 VND
Lãi tiền vay	23.774.191.554	5.378.419.625
Lỗ chênh lệch tỷ giá	437.020.419	33.710.667
Trích/(hoàn nhập) dự phòng tổn thất đầu tư	(60.344.944)	60.344.944
Chi phí tài chính khác	377.012.696	10.010.839
Cộng	24.527.879.725	5.482.486.075

5.5. Chi phí bán hàng

	Từ ngày 01/04/2019 đến ngày 31/03/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 VND
Chi phí lương nhân viên	23.528.079.600	5.393.600.861
Chi phí đồ dùng văn phòng	671.358.019	207.866.517
Chi phí khấu hao tài sản cố định	26.166.672	14.358.333
Chi phí bảo hành	543.541.733	4.261.072
Chi phí Pre-sales	1.734.201.108	3.276.126.692
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.348.537.741	1.117.888.609
Chi phí bằng tiền khác	6.615.903.039	1.701.137.045
Cộng	39.467.787.912	11.715.239.129

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ ngày 01/04/2019 đến ngày 31/03/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	49.657.962.752	12.145.995.326
Chi phí vật liệu quản lý	3.334.281.201	842.861.904
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.217.469.051	1.315.142.577
Thuế, phí và lệ phí	36.050.946	12.132.357
Chi phí điện, nước, thuê mặt bằng	222.300.000	368.827.863
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.203.393.887	2.694.516.679
Chi phí bằng tiền khác	6.607.024.391	1.571.893.902
Cộng	81.278.482.228	18.951.370.608

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.7. Thu nhập khác

	Từ ngày 01/04/2019 đến ngày 31/03/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 VND
Nhận hỗ trợ từ nhà cung cấp	8.104.749.583	291.953.103
Thu phạt hợp đồng	243.413.969	636.363
Thu nhập khác	2.675.368.500	296.037.132
Cộng	11.023.532.052	588.626.598

5.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ ngày 01/04/2019 đến ngày 31/03/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	835.178.631.181	113.547.812.179
Chi phí nhân công	75.503.021.668	17.941.436.783
Chi phí khấu hao tài sản cố định	32.707.940.982	8.544.495.644
Chi phí dự phòng	613.900.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.322.266.590	35.798.440.047
Chi phí khác bằng tiền	21.646.882.986	7.505.843.584
Cộng	1.011.972.643.407	183.338.028.237

5.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được hợp nhất từ chi phí thuế TNDN của các công ty trong Tập đoàn với thuế suất TNDN được áp dụng tại từng công ty trong Tập đoàn.

	Từ ngày 01/04/2019 đến ngày 31/03/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.719.934.439	675.313.309
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	685.634.077	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	2.405.568.516	675.313.309

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Từ ngày 01/04/2019 đến ngày 31/03/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	710.891.407.142	217.860.315.095

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Từ ngày 01/04/2019 đến ngày 31/03/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(756.088.844.374)	(178.687.028.446)

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo đánh giá của Tổng Giám đốc Tập đoàn, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn không bị tác động về những khác biệt về sản phẩm mà Tập đoàn cung cấp hoặc do Tập đoàn hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Cụ thể như sau:

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tập đoàn chủ yếu là từ cung cấp thiết bị và dịch vụ điện tử, tin học, giải pháp kỹ thuật tổng thể tích hợp hệ thống công nghệ thông tin nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh cần phải thuyết minh.
- Bộ phận theo khu vực địa lý: Tập đoàn không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Tập đoàn không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

1. Công ty Cổ phần Công Nghệ Mideas	Công ty liên kết
2. Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tin học CEH	Công ty liên kết
3. Công ty Cổ phần sách và Học liệu Điện tử Pharos	Công ty liên kết
4. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Tập đoàn đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/03/2020 VND	Tại ngày 01/04/2019 VND
Phải thu khách hàng:		
Công ty Cổ phần Công Nghệ Mideas	511.306.849	462.000.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tin học CEH	198.000.000	66.000.000
Cộng – Xem thêm mục 4.3	709.306.849	528.000.000
	Tại ngày 31/03/2020 VND	Tại ngày 01/04/2019 VND
Trả trước cho người bán – Xem thêm mục 4.4:		
Công ty TNHH Dịch vụ Tin học CEH	655.390.000	-
	Tại ngày 31/03/2020 VND	Tại ngày 01/04/2019 VND
Phải trả khác – Xem thêm mục 4.19:		
Ông Nguyễn Xuân Quang, phó tổng giám đốc	1.200.000.000	-
Trong năm, Tập đoàn đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:		
	Từ ngày 01/04/2019 đến ngày 31/03/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ - Xem thêm mục 5.1:		
Công ty Cổ phần Công Nghệ Mideas	120.000.000	60.000.000
	Từ ngày 01/04/2019 đến ngày 31/03/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 VND
Góp vốn:		
Công ty Cổ phần sách và Học liệu Điện tử Pharos	1.600.000.000	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tin học CEH	-	775.000.000
Cộng	1.600.000.000	775.000.000

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan không có tài sản bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc Công ty và các nhân viên quản lý chủ chốt khác của Công ty được chi tiết như sau:

	Từ ngày 01/04/2019 đến ngày 31/03/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 VND
Thù lao và thu nhập	5.513.677.120	2.998.881.647

9. THU NHẬP BAN KIỂM SOÁT TẬP ĐOÀN

	Từ ngày 01/04/2019 đến ngày 31/03/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	395.853.400	127.869.600

10. CÁC NGHĨA VỤ THEO HỢP ĐỒNG THUÊ TÀI CHÍNH

Tập đoàn đang thuê một bộ phận riêng biệt của máy móc thiết bị với thời gian sử dụng ước tính từ 2 đến 3 năm theo hợp đồng thuê tài chính với thời hạn từ 2 đến 3 năm. Các khoản nợ thuê tài chính tối thiểu phải trả trong tương lai được chi tiết như sau:

Thời hạn	Tại ngày 31/03/2020 VND	Tại ngày 01/04/2019 VND
Từ 1 năm trở xuống	7.421.661.500	3.084.294.312
Trên 1 năm đến 5 năm	5.682.156.355	3.258.378.990
Cộng	13.103.817.855	6.342.673.302

11. SỐ LIỆU SO SÁNH

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019 số 03/NQ-ĐHCD-2019 ngày 22/04/2019, kể từ ngày 01/04/2019 Tập đoàn chính thức chuyển đổi kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 năm hiện hành và kết thúc ngày 31 tháng 03 năm tiếp theo. Do đó, những thông tin năm trước trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính này là các số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất của giai đoạn tài chính chuyển đổi từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 03 năm 2019. Do đó, các số liệu này không có tính so sánh.

12. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo Quyết định số 51./2019/QĐ-HĐQT ngày 19 tháng 02 năm 2020 của công ty mẹ - Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu và Nghị quyết số 01/NQ-2020 cùng ngày của Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kỹ thuật Sao Bắc Đầu, công ty con – Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kỹ thuật Sao Bắc Đầu sẽ chấm dứt hoạt động và thực hiện thủ tục giải thể để sáp nhập vào công ty con – Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Sao Bắc Đầu kể từ ngày 01 tháng 04 năm 2020.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

12. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Theo Quyết định 52/2019/QĐ-HĐQT ngày 19 tháng 02 năm 2020 của công ty mẹ - Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu và Nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐHCĐ ngày 01 tháng 04 năm 2020 của Đại Hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Công Nghệ Cao Sao Bắc Đầu, công ty con – Công ty Cổ phần Công Nghệ Cao Sao Bắc Đầu sẽ chấm dứt hoạt động và thực hiện thủ tục giải thể để sáp nhập vào công ty con – Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Sao Bắc Đầu kể từ ngày 01 tháng 04 năm 2020.

Theo Quyết định 51/2019/QĐ-HĐQT ngày 05 tháng 01 năm 2020 của công ty mẹ - Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu và Quyết định số 02/2019/QĐ-SBDD ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công nghệ Số Sao Bắc Đầu, công ty con – Công ty Cổ phần Công nghệ Số Sao Bắc Đầu sẽ tạm ngừng hoạt động kinh doanh từ ngày 15 tháng 03 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020 để chuẩn bị thủ tục giải thể.



Lê Hồng Phong
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 06 năm 2020

Bùi Thị Thúy Hồng
Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Hoàng
Người lập